TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2018
"V*/v Không công nhận là vợ chồng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- *Thẩm phán* – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bạn

2.Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

-***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Lê Nguyệt Ánh–Thư ký Toà án.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:*** Bà Vũ Thị Phương Thảo-Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2018 về việc " Không công nhận là vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 95/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Thanh L – 1961(Có mặt)

Địa chỉ: 281/1 đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Bùi Văn N – Sinh năm 1953 (Có mặt)

Địa chỉ: 76 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh L trình bày:** Từ năm 2004, bà và ông Bùi Văn N tự nguyện chung sống và không đăng ký kết hôn tại các cơ quan có thẩm quyền.Trước khi chung sống với nhau, ông N đã có đăng ký kết hôn với bà Trần Thị T nhưng không có con chung, chưa ly hôn. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nên ông N đưa con chung về nhà bà T sống. Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông N nên đề nghị Toà án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng bà và ông Bùi Văn N có 02 con chung là cháu Bùi Bình N – Sinh ngày: 11/3/2005 và cháu Bùi An B – Sinh ngày: 24/5/2007. Bà Hồ Thị Thanh L đồng ý giao 02 con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông N tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Bùi Văn N trình bày: Từ năm 2004, ông và bà Hồ Thị Thanh L tự nguyện sống chung và không đăng ký kết hôn tại các cơ quan có thẩm quyền. Trước khi chung sống với nhau, ông đã có đăng ký kết hôn với bà Trần Thị T nhưng không có con chung, chưa ly hôn. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nên ông đã đưa 02 con chung về nhà riêng tại 76 đường L, thành phố Buôn Ma Thuột sinh sống. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà Lý nên đề nghị Toà án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Lý.

-Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà L có 02 con chung là cháu Bùi Bình N – Sinh ngày: 11/3/2005 và cháu Bùi An B – Sinh ngày: 24/5/2007. Hiện nay 02 cháu đang ở với ông. Ông Bùi Văn N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Ông và bà L tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: ông N xác định trong thời gian chung sống không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện không công nhận vợ chồng của bà Hồ Thị Thanh L và đề nghị giao 02 con chung cho ông Bùi Văn N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

*** Về thủ tục tục tố tụng:** Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh L và bị đơn ông Bùi Văn N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

*** Về quan hệ hôn nhân**: Giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh L và bị đơn ông Bùi Văn N chung sống với nhau từ năm 2004 mặc dù tại thời điểm sống chung ông N

đã có vợ nhưng chưa ly hôn. Như vậy ông N bà L sống chung là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của bà Hồ Thị Thanh L đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật vì bà L ông N sống chung có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, cuộc sống chung giữa bà L, ông N không còn nữa nên không thể tiếp tục duy trì. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b, khoản 3, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị Thanh L và ông Bùi Văn N.

- Về con chung: Bà Hồ Thị Thanh L và ông Bùi Văn N có 02 con chung: là cháu Bùi Bình N– Sinh ngày: 11/3/2005 và cháu Bùi An B – Sinh ngày: 24/5/2007. Hiện nay 02 cháu đang đang ở với ông N. Xét nguyện vọng của 02 cháu và nguyện vọng của ông Bùi Văn N là được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành vì ông N có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung. Xét đây là nguyện vọng chính đáng nên Hội đồng xét xử cần giao 02 con chung cho ông Bùi Văn N được trược tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên

-Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hồ Thị Thanh L và ông Bùi Văn N tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị Thanh L và ông Bùi Văn N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Bà Hồ Thị Thanh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 203, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15,Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Hồ Thị Thanh L.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Hồ Thị Thanh L và ông Bùi Văn N là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Bình N– Sinh ngày: 11/3/2005 và cháu Bùi An B–Sinh ngày: 24/5/2007 cho ông Bùi Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành(18 tuổi).

Bà Hồ Thị Thanh L được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hồ Thị Thanh L và ông Bùi Văn N tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị Thanh L và ông Bùi Văn N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Bà Hồ Thị Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Hồ Thị Thanh L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk theo biên lai thu số 003976 ngày 01 tháng 6 năm 2018.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Đăklăk;*
- *VKSND Tỉnh Đăklăk;*
- *VKSND Tp. Buôn Ma Thột;*
- *CCTHADS Tp. Buôn Ma Thuột;*
- *UBND P. Tân Lập*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*